

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – TOÁN 10

Nội dung kiến thức		Dạng 1: TN 4 lựa chọn			Dạng 2: Tự luận			Thời gian (phút)	Điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
		Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu		
Chương 1	1.1. Mệnh đề toán học. (3t)	2						3	1,4
	1.2. Tập hợp. Các phép toán trên tập hợp (3t)	3	2					8,5	
Chương 2	2.1. Bất phương trình bậc nhất hai ẩn (2t)	1	1				1	1,5	1,6
	2.2. Hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn (3t)	1						1,5	
Chương 3	3.1. Hàm số và đồ thị. (5t)	1	1			1		1,5	3,6
	3.2. Hàm số bậc hai. Đồ thị hàm số bậc hai và ứng dụng (2t)	2						3	
	3.3. Dấu của tam thức bậc hai (3t)	1					1	1,5	
	3.4. Bất phương trình bậc hai một ẩn (3t)	1						1,5	
	3.5. Hai dạng phương trình quy về phương trình bậc hai (3t)	2						3	
Chương 4	4.1. Giá trị lượng giác của một góc từ đến 180. Định lý côsin định lý sin trong tam giác (4t)	1						11,5	3,4
	4.2. Giải tam giác. Tính diện tích tam giác (2t)	1						1,5	
	4.3. . Khái niệm vectơ (2t)	1	1					2	
	4.4. Tổng và hiệu hai của hai vectơ (2t)	1				1	1	1,5	
	4.5. Tích của một số với một vectơ (2t)	1						1,5	
	4.6. Tích vô hướng của hai vectơ (2t)	1						11,5	
Tổng		20	5	0	0	2	3	90	10
Tỉ lệ		40%	10%	0	0	20%	30%		100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – TOÁN 11

Nội dung kiến thức		Dạng 1: TN 4 lựa chọn			Dạng 2: Tự luận			Thời gian (phút)	Điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
		Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu		
Chương 1	1.1. Góc lượng giác. Giá trị lượng giác của góc lượng giác. (3t)	1						1,5	2,4
	1.2. Các phép biến đổi lượng giác (3t)	2						3	
	1.3. Hàm số lượng giác và đồ thị (3t)	2	1					5	
	1.4. Phương trình lượng giác cơ bản (3t)	1				1		6,5	
Chương 2	2.1. Dãy số. Dãy số tăng, dãy số giảm, bị chặn(2t)	1					1	1,5	1,6
	2.2. Cấp số cộng (2t)	1						11,5 - 12	
	2.3. Cấp số nhân ((2t)		1						
Chương 3	3.1. Giới hạn của dãy số. (3t)	1					1	11,5	2,0
	3.2. Giới hạn của hàm số (4t)	2	1					5	
	3.3. Hàm số liên tục (2t)	1						1,5	
Chương 4	4.1. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian (4t)	1				1		11,5	3,0
	4.2. Hai đường thẳng song song trong không gian (2t)	1						1,5	
	4.3. Đường thẳng và mặt phẳng song song (2t)		1					2	
	4.4. Hai mặt phẳng song song (2t)	1						1,5	
	4.5. Hình lăng trụ và hình hộp (2t)	1					1	11,5	
Chương 5	5.1. Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm (5t)	4	1					7,5	1
Tổng		20	5	0	0	2	3	90	10
Tỉ lệ		40%	10%	0	0	20%	30%		100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – TOÁN 12

Nội dung kiến thức		Dạng 1: TN 4 lựa chọn			Dạng 2: TN Đúng - Sai			Dạng 3: Trả lời ngắn			Thời gian (phút)	Điểm
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
		Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu	Số câu		
Chương 1	§1. Tính đơn điệu của hàm số (1,2,3,4)	1			2	2				1	10	5,5
	§2. Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số (1,2,3,4)	1								1	10	
	§3. Đường tiệm cận của đồ thị hàm số (1,2,3)	1			1	1	2		1		10	
	§4. Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị của hàm số (1)	2	1							1	10	
Chương 2	§1. Vector và các phép toán vector trong không gian (1,2,3,4)	1			1	1	2		1		8	3
	§2. Tọa độ của vector (1,2,3)	1								1	10	
	§3. Biểu thức tọa độ của các phép toán vector (1,2,3,4)	1	1								8	
Chương 3	§1. Khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm (3)	1			2	2					12	1,5
	§2. Phương sai, độ lệch chuẩn của mẫu số liệu ghép nhóm (1,2)	1									12	
Tổng		2,5	0,5	0	1,5	1,5	1	0	1	2	90	10
Tỉ lệ		25%	5%	0	15%	15%	10%	0	10%	20%		100%